

Số: /2023/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 04/2023/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về mức hỗ trợ và cơ chế hỗ trợ sử dụng vốn đầu tư công để thực hiện một số nội dung thuộc Dự án 1 và Tiểu dự án 1, Dự án 4 của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Xét Tờ trình số...../TTr-UBND ngày.....tháng.....năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I; từ năm 2021 đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 194/BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 01/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:

Việc phân bổ vốn phải đáp ứng yêu cầu quản lý tập trung, không phân tán, dàn trải, đảm bảo mục tiêu, cơ chế, chính sách của Chương trình; Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng, xã khu vực III nằm trong kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh phù hợp với các mục tiêu phân bổ nguồn vốn của Chương trình; Tăng cường phân cấp cho các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh và các huyện, thành phố để tạo sự chủ động, linh hoạt trong triển khai thực hiện Chương trình trên cơ sở nội dung, định hướng, lĩnh vực cần ưu tiên, phù hợp với đặc thù, điều kiện, tiềm năng lợi thế địa phương, phát huy hiệu quả sử dụng vốn và phù hợp với các quy hoạch ngành, lĩnh vực được phê duyệt.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

Điều 5: Quy định tỷ lệ vốn đối ứng và mức hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện một số nội dung của Chương trình.

2.1. Hằng năm ngân sách tỉnh bố trí đối ứng tối thiểu bằng mức tỷ lệ quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 6 Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện Chương trình.

2.2. Mức hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện hỗ trợ về đất ở, nhà ở.

a) Mức hỗ trợ đất ở: Ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ tối đa không quá 04 triệu đồng/hộ.

b) Mức hỗ trợ nhà ở: Áp dụng tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; một số nội dung và mức chi giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 – 2025.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 phần I Phụ lục III như sau:

a) Phân bổ không quá 15% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

b) Phân bổ cho các huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 phần II Phụ lục III như sau:

Phân bổ không quá 15% cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh để thực hiện nội dung: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp về thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5. Bổ sung áp dụng phương pháp tính điểm tại khoản 1 phần I Phụ lục IV như sau:

- Nhóm tiêu chí ưu tiên:

+ Tiêu chí xã khu vực III của năm liền kề đạt chuẩn Nông thôn mới:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã khu vực III phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới của năm liền kề theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh (<i>được tính trong một năm liền kề trước khi công nhận đạt chuẩn nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>)	100	a	100 x a

Số lượng (a) là số xã khu vực III đạt chuẩn nông thôn mới nằm trong kế hoạch thực hiện xây dựng nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 phần I Phụ lục V như sau:

Phân bổ không quá 20% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.1 khoản 2 phần II Phụ lục V như sau:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

8. Sửa đổi, bổ sung điểm 2.2 khoản 2 phần II Phụ lục V như sau:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

9. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 phần III Phụ lục V như sau:

Phân bổ không quá 15% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 phần IV Phụ lục V như sau:

a) Phân bổ không quá 50% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh”.

b) Phân bổ cho các huyện, thành phố: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ theo quy định tại điểm a khoản này.

11. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Phụ lục VI như sau:

Phân bổ không quá 60% tổng nguồn vốn các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

12. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Phụ lục VI như sau:

Phân bổ không quá 55% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Phụ lục VII như sau:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho Sở Y tế, các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Phụ lục VII như sau:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

15. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Phụ lục VIII như sau:

Phân bổ không quá 40% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

16. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 phần II Phụ lục IX như sau:

Phân bổ không quá 50% tổng nguồn vốn cho các Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

17. Sửa đổi, bổ sung điểm a, khoản 2 phần I Phụ lục X như sau:

Phân bổ không quá 50% tổng nguồn vốn cho Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 phần II Phụ lục X như sau:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 phần II Phụ lục X như sau:

Phân bổ 100% tổng nguồn vốn cho Sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2023.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Ủy Ban Dân tộc;
- Các Văn phòng: Chủ tịch nước, Quốc hội, Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh,
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Tuyên Quang; Đài phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo Tuyên Quang; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Thị Kim Dung